

## ÔN TẬP CHỦ ĐỀ 7 (1 tiết)

### MỤC TIÊU

#### 1. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện việc ôn tập và hệ thống hoá kiến thức của chủ đề;
- Giao tiếp và hợp tác: Lắng nghe, chia sẻ với bạn cùng nhóm để thực hiện nội dung ôn tập;
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng linh hoạt các kiến thức, kĩ năng để giải quyết vấn đề liên quan trong thực tiễn và trong các nhiệm vụ học tập.

#### 2. Năng lực khoa học tự nhiên

- Nhận thức khoa học tự nhiên: Hệ thống hoá được kiến thức về cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào, thông qua đó chứng minh mọi cơ thể sống đều được cấu tạo từ tế bào;
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vận dụng kiến thức đã học tham gia giải quyết các nhiệm vụ ôn tập.

#### 3. Phẩm chất

- Trung thực trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ và bài tập ôn tập.

Dựa vào mục tiêu của bài học, GV lựa chọn phương pháp và kĩ thuật dạy học phù hợp để tổ chức cho HS ôn tập.

### A. PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC

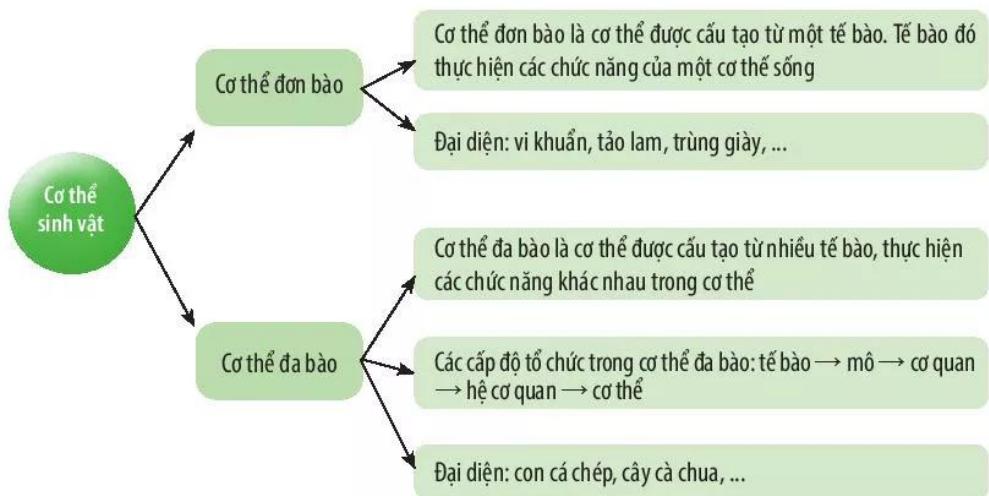
- Phương pháp trò chơi;
- Kĩ thuật sơ đồ tư duy.

### B. TỔ CHỨC DẠY HỌC

#### Hoạt động 1: Hệ thống hoá kiến thức

**Nhiệm vụ:** GV định hướng cho HS hệ thống hoá được kiến thức về cơ thể đơn bào, đa bào và mối quan hệ từ tế bào đến cơ thể.

**Tổ chức dạy học:** GV hướng dẫn HS tham gia một số trò chơi do GV thiết kế có tính tổng hợp như *Ai là triệu phú?*, *Chiếc nón kì diệu*, *Em là nhà báo?*, ... hoặc thi thiết kế áp phích nhanh về chủ đề *Hiểu biết của em về cơ thể sinh vật*.



## Hoạt động 2: Hướng dẫn giải bài tập

**Nhiệm vụ:** GV sử dụng phương pháp dạy học bài tập, định hướng cho HS giải quyết một số bài tập phát triển năng lực khoa học tự nhiên cho cả chủ đề.

**Tổ chức dạy học:** GV gợi ý, định hướng, tổ chức cho HS hoạt động nhóm hoặc động não cá nhân để làm bài tập vận dụng của chủ đề, đồng thời phát triển phẩm chất, năng lực của HS.

### Một số bài tập gợi ý:

1. Tổ chức cơ thể đơn bào và đa bào khác nhau ở điểm nào?
2. Cho các từ/ cụm từ: *hệ cơ quan, mô liên kết, cơ quan, mô, tế bào, mô thần kinh*. Hãy chọn các từ/ cụm từ phù hợp để hoàn thiện đoạn thông tin sau:

Ở cơ thể đa bào, (1) ... phối hợp với nhau tạo thành các mô, cơ quan, hệ cơ quan. (2) ... là tập hợp các tế bào giống nhau cùng phối hợp thực hiện chức năng nhất định. Chẳng hạn, bộ não của bạn chủ yếu được tạo thành từ (3) ..., gồm các tế bào thần kinh. Bộ não là một (4) ... được hình thành từ các loại mô khác nhau và hoạt động cùng nhau như mô thần kinh, mô bì, (5) .... Bộ não là một phần của hệ thần kinh, điều khiển các hoạt động của cơ thể. Vì vậy, (6) ... gồm nhiều cơ quan làm việc cùng nhau để thực hiện chức năng nhất định của cơ thể sống.

3. Nêu mối quan hệ giữa các cấp độ tổ chức trong cơ thể đa bào.
4. Mô tả thành phần chính cấu tạo cơ thể người. Hãy kể tên cơ quan thuộc hệ tuần hoàn của cơ thể người.

### Hướng dẫn giải:

1. Cơ thể đơn bào có cấu tạo cơ thể chỉ gồm một tế bào nhân sơ hoặc nhân thực, có thể thực hiện được các chức năng sống. Cơ thể đa bào có cấu tạo cơ thể gồm nhiều tế bào nhân thực, các tế bào phối hợp thực hiện các chức năng sống của cơ thể.
2. (1) tế bào, (2) mô, (3) mô thần kinh, (4) cơ quan, (5) mô liên kết, (6) hệ cơ quan.
3. Tế bào → mô → cơ quan → hệ cơ quan → cơ thể.
4. – Các thành phần chính cấu tạo cơ thể người: đầu, mình, tứ chi (tay, chân);  
– Các cơ quan thuộc hệ tuần hoàn: tim, mạch máu.



## CHỦ ĐỀ 8. Đa dạng thế giới sống (38 tiết)

### PHÂN LOẠI THẾ GIỚI SỐNG (4 tiết)

#### MỤC TIÊU

##### 1. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện các nhiệm vụ của bản thân khi tìm hiểu về phân loại thế giới sống;
- Giao tiếp và hợp tác: Xác định nội dung hợp tác nhóm trao đổi về cách phân loại sinh vật và khoá lưỡng phân;
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng linh hoạt các kiến thức, kĩ năng để giải quyết vấn đề liên quan trong tự nhiên và thực tiễn hoặc trong học tập.

##### 2. Năng lực khoa học tự nhiên

- Nhận thức khoa học tự nhiên: Nhận được sự cần thiết của việc phân loại thế giới sống; Nhận biết được năm giới sinh vật và lấy được ví dụ minh họa cho mỗi giới; Phân biệt được các bậc phân loại từ nhỏ đến lớn theo trật tự: loài, chi, họ, bộ, lớp, ngành, giới; Nhận biết được cách gọi tên sinh vật và cách xây dựng khoá lưỡng phân; Lấy được ví dụ chứng minh thế giới sống đa dạng về số lượng loài và đa dạng về môi trường sống;
- Tìm hiểu tự nhiên: Thực hành xây dựng được khoá lưỡng phân để phân loại sinh vật;
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Giải thích được sự đa dạng của sinh vật trong tự nhiên và phân loại được một số sinh vật xung quanh em.

##### 3. Phẩm chất

- Bồi dưỡng tình yêu đối với thiên nhiên, có ý thức bảo vệ thiên nhiên.

Dựa vào mục tiêu của bài học và nội dung các hoạt động của SGK, GV lựa chọn phương pháp và kỹ thuật dạy học phù hợp để tổ chức các hoạt động học tập một cách hiệu quả và tạo hứng thú cho HS trong quá trình tiếp nhận kiến thức, hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất liên quan đến bài học.

#### A. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

- Thuyết trình nêu vấn đề kết hợp hỏi – đáp;
- Dạy học hợp tác thông qua phương pháp hoạt động nhóm;

- Phương pháp trò chơi;
- Kĩ thuật công não;
- Kĩ thuật mảnh ghép.

## B. TỔ CHỨC DẠY HỌC

### **Khởi động**

GV đặt vấn đề theo gợi ý SGK. Ngoài ra, GV kết hợp thêm kênh hình minh họa việc quản lí, phân loại sách trong các giá sách ở thư viện, giá sách ở nhà của HS. Từ đó, lôi cuốn HS sẵn sàng tiếp nhận bài học mới.

### **Hình thành kiến thức mới**

#### **1. SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC PHÂN LOẠI THẾ GIỚI SỐNG**

##### **Hoạt động 1: Tìm hiểu về sự cần thiết phân loại thế giới sống**

**Nhiệm vụ:** GV hướng dẫn cho HS nhận biết sự tồn tại của thế giới sống xung quanh chúng ta. Từ đó, HS thấy được sự cần thiết của việc phân loại thế giới sống.

**Tổ chức dạy học:** GV giới thiệu hình 22.1 trong SGK. GV có thể chuẩn bị thêm bộ ảnh về sự đa dạng sinh giới, tổ chức trò chơi ghép chữ và tranh tương ứng, đồng thời hướng dẫn HS quan sát tranh ảnh và liên hệ với phần khởi động. Sau đó, gợi ý và định hướng cho HS thảo luận nhóm các nội dung câu hỏi trong SGK bằng kĩ thuật khán trải bàn hoặc kĩ thuật think – pair – share.

**1. Kể tên một số sinh vật trong hình 22.1. Từ đó, em hãy nhận xét về thế giới sống.**

Tên một số sinh vật trong hình 22.1: vọc, nhện, rùa, bướm, bọ cánh cam, cá, vi khuẩn, cò, trùng giày, dương xỉ, thông, súng.

Nhận xét: Thế giới sống đa dạng về số lượng các loài sinh vật, đa dạng về đặc điểm và môi trường sống của chúng.

**2. Thế giới sống có thể được phân loại theo những tiêu chí nào? Trên cơ sở đó, em hãy phân loại các sinh vật trong hình 22.1.**

Phân loại sinh vật dựa vào đặc điểm tế bào (tế bào nhân sơ, tế bào nhân thực), cấp độ tổ chức cơ thể (cơ thể đơn bào, cơ thể đa bào), khả năng di chuyển, dinh dưỡng (tự dưỡng, dị dưỡng), môi trường sống (môi trường nước, môi trường cạn, ...).

**Thông qua các nội dung thảo luận, GV gợi ý cho HS rút ra kết luận theo nội dung trong SGK.**

#### **2. CÁC BẬC PHÂN LOẠI SINH VẬT**

##### **Hoạt động 2: Tìm hiểu về các bậc phân loại**

**Nhiệm vụ:** GV hướng dẫn cho HS nhận biết các bậc phân loại từ nhỏ đến lớn theo thứ tự: loài, chi, họ, bộ, lớp, ngành, giới và nêu được khái niệm loài.

**Tổ chức dạy học:** GV tổ chức trò chơi *Mảnh ghép* về cơ cấu tổ chức các HS trong lớp học. Mảnh ghép gồm: Lớp trưởng, Lớp phó, Tổ 1, Tổ 2, Tổ 3, ... GV yêu cầu HS xây dựng cơ cấu tổ chức từ cao xuống thấp hoặc từ thấp lên cao.

GV chuẩn bị các thẻ về các bậc phân loại từ nhỏ đến lớn (mỗi thẻ là một bậc phân loại), yêu cầu HS quan sát các hình 22.2, 22.3 trong SGK, liên hệ trò chơi *Mảnh ghép* về cơ cấu tổ chức trong lớp học và hoạt động theo nhóm để nhận biết và sắp xếp bậc phân loại dựa vào các thẻ. GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm với các nội dung trong SGK.

**3.** Quan sát hình 22.2, em hãy kể tên các bậc phân loại sinh vật theo thứ tự từ thấp đến cao trong thế giới sống.

Loài → Chi → Họ → Bộ → Lớp → Ngành → Giới

### Luyện tập

\* Từ cách phân loại loài Gấu đen châu Mỹ, em hãy cho biết các bậc phân loại của loài Gấu trắng trong hình 22.3.

Loài Gấu trắng trong hình thuộc: giống Gấu, họ Gấu, bộ Ăn thịt, lớp Thú, ngành Dây sống, giới Động vật.

### Hoạt động 3: Tìm hiểu cách gọi tên loài

**Nhiệm vụ:** GV hướng dẫn cho HS biết hai cách gọi tên của loài.

**Tổ chức dạy học:** GV chuẩn bị hình ảnh về các loài ở hình 22.4, tổ chức cho HS thảo luận theo cặp các câu hỏi trong SGK.

**4.** Quan sát hình 22.4, em hãy cho biết sinh vật có những cách gọi tên nào?

Có ba cách gọi tên sinh vật:

- Tên phổ thông là cách gọi phổ biến của loài có trong danh mục tra cứu;
- Tên khoa học = Tên giống + Tên loài + (Tên tác giả, năm công bố);
- Tên địa phương là cách gọi truyền thống của người dân bản địa theo vùng miền, quốc gia.

### Luyện tập

\* Nêu cách gọi tên khoa học của một số loài sau đây, biết:

Tên phổ thông	Tên khoa học
Con người	<i>Homo sapiens</i>
Chim bồ câu	<i>Columba livia</i>
Cây ngọc lan trắng	<i>Magnolia alba</i>
Cây ngô	<i>Zea mays</i>

**Sau khi thảo luận các nội dung trong hoạt động 3, GV gợi ý HS rút ra kết luận trong SGK.**

### 3. CÁC GIỚI SINH VẬT

#### Hoạt động 4: Tìm hiểu về năm giới sinh vật

**Nhiệm vụ:** GV hướng dẫn cho HS nhận biết thế giới sống được phân chia thành năm giới sinh vật theo quan điểm của Whittaker, 1969. HS nêu được đại diện các giới và chứng minh được sự đa dạng của thế giới sống.

**Tổ chức dạy học:** GV giới thiệu hình 22.5, hướng dẫn HS quan sát sơ đồ năm giới và thông tin trong SGK. GV chuẩn bị bộ ảnh đại diện các sinh vật thuộc năm giới, tổ chức trò chơi *Đoán hình* (GV chiếu ảnh sinh vật trên màn hình hoặc dùng tranh ảnh sinh vật, HS dựa vào thông tin trong SGK đoán xem sinh vật đó thuộc giới nào). Sau đó, gợi ý và định hướng cho HS thảo luận các nội dung trong SGK thông qua phương pháp hoạt động nhóm kết hợp một số kĩ thuật dạy học như công nǎo, mảng ghép.

5. Quan sát hình 22.5, hãy cho biết sinh vật được chia thành mấy giới? Kể tên một số đại diện sinh vật thuộc mỗi.

Sinh vật được chia thành năm giới, đại diện mỗi giới là: vi khuẩn thuộc giới Khởi sinh; trùng giày thuộc giới Nguyên sinh; nấm rơm thuộc giới Nấm; cây cam thuộc giới Thực vật; gấu thuộc giới Động vật.

6. Em có thể phân biệt năm giới sinh vật dựa vào những tiêu chí nào?

Dựa vào đặc điểm tế bào, tổ chức cơ thể, kiểu dinh dưỡng, ...

#### Luyện tập

\* Hãy xác định môi trường sống của đại diện các sinh vật thuộc năm giới bằng cách hoàn thành bảng theo mẫu sau:

Giới	Đại diện	Môi trường sống		
		Nước	Cạn	Sinh vật
Khởi sinh	Ví khuẩn <i>E. coli</i>	+	+	+
Nguyên sinh	Trùng roi	+	-	-
Nấm	Nấm rơm	-	+	-
Thực vật	Cây rau muống	+	+	-
Động vật	Cá chép	+	-	-

*Thông qua các nội dung thảo luận, GV hướng dẫn cho HS rút ra kết luận theo gợi ý trong SGK.*